

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2025

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học Tân Thành 1

2. Địa chỉ: Ấp Tân Phú – xã Tân Hội – tỉnh An Giang

Điện thoại: 02973833016

Website: <https://c1tanthanhl1.tanhiiep.edu.vn/>

3. Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND Xã Tân Hội.

4. Sứ mệnh, Tầm nhìn, Mục tiêu.

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao

Tầm nhìn: Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nền nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Lịch sử hình thành: Trường Tiểu học Tân Thành 1 nằm trên địa bàn xã Tân Hội, tỉnh An Giang. Trường được thành lập từ năm học 2002-2003. Theo Quyết định số 952/2002/QĐ.CT ngày 22 tháng 07 năm 2002 của UBND huyện Tân Hiệp về việc thành lập trường Tiểu học Tân Thành 1.

Sau khi sáp nhập chính quyền địa phương 2 cấp, trường được thay đổi theo quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND xã Tân Hội về việc thành lập trường Tiểu học Tân Thành 1.

Trường Tiểu học Tân Thành 1 là trường công lập do UBND Xã Tân Hội thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình GD tiểu

học do Bộ GD&ĐT ban hành trên địa bàn xã Tân Hội.

Xây dựng phát triển nhà trường các quy định của Bộ GD&ĐT và nhiệm vụ giáo dục phát triển của địa phương, Thực hiện kiểm định chất lượng GD. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Tiến Cảnh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Ấp Tân Phú, xã Tân Hội, tỉnh An Giang

Số điện thoại: 0963 838 535 Gmail: nguyencanh0574@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường

Trường Tiểu học Tân Thành 1 được thành lập từ ngày 16/07/2025 theo Theo Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 16 tháng 07 năm 2025 của UBND xã Tân Hội.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định (QĐ) số 4958/QĐ-UBND ngày 27/09/2024 của UBND huyện Tân Hiệp Về việc kiện toàn thành viên Hội đồng trường và chủ tịch Hội đồng trường Trường Tiểu học Tân Thành 1 nhiệm kỳ 2022 - 2026

Danh sách Hội đồng trường:

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh hội đồng	Ghi chú
1	Nguyễn Tiến Cảnh	H.trưởng	TH Tân Thành 1	CTHĐ	
2	Lâm Thị Hạnh Nhân	P.H.trưởng	TH Tân Thành 1	PCTHĐ	
3	Lê Hồng Phương	Giáo viên	TH Tân Thành 1	Thư ký HĐ	
4	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Giáo viên	TH Tân Thành 1	Thành viên	
5	Phan Thị Kim Xuân	Bí thư ĐTN	TH Tân Thành 1	Thành viên	
6	Đỗ Minh Luân	TTTVP	TH Tân Thành 1	Thành viên	
7	Lê Quang Nhựt Nguyễn Hoài Vũ	PCTUBND	UBND xã	Thành viên	
8	Lê Thị Huyền Trân	Tổ trưởng 3	TH Tân Thành 1	Thành viên	
9	Lê Thị Dư	Tổ trưởng 4	TH Tân Thành 1	Thành viên	
10	Âu Thị Bích Tuyền	Tổ trưởng 5	TH Tân Thành 1	Thành viên	
11	Nguyễn Văn Nhí	BĐD cha mẹ HS		Thành viên	

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng:

Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 05/08/2025 của UBND xã Tân Hội Về

việc bổ nhiệm lại chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Tân Thành 1.

Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 05/08/2025 của UBND xã Tân Hội Về việc điều động, bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng trường Tiểu học Tân Thành 1.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động

- Cơ chế hoạt động của trường Tiểu học Tân Thành 1

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường Tiểu học Tân Thành 1 được thành lập theo Quyết định số 69/QĐ-UBND ngày 16 tháng 07 năm 2025 của UBND xã Tân Hội. Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một trường Tiểu học trọng điểm của địa bàn xã Tân Hội.

Trường Tiểu học Tân Thành 1 là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND Xã Tân Hội.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD; bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật. - Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- + 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 24 đảng viên.
- + Tổ chức Đoàn đội: có 13 lớp sao nhi đồng và 09 chi đội.
- + Ban đại diện CMHS.
- + Các tổ chuyên môn: 05 tổ chuyên môn.

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Tiến Cảnh	Hiệu trưởng	0963838535	nguyencanh0574@gmail.com
2	Lâm Thị Hạnh Nhân	P. Hiệu trưởng	0832818889	hanhnhan07041977@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Ấp Tân Phú – xã Tân Hội – tỉnh An Giang

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy

- Chiến lược phát triển nhà trường:

Kế hoạch số 26/KH-THTTh1 ngày 10/09/2025 kế hoạch rà soát, bổ sung, chỉnh sửa chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2026-2030 và tầm nhìn đến năm 2035.

Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quy chế số 01/QC-THTTh1 ngày 08/09/2025 về việc Về việc Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường” Năm học: 2025 - 2026.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

[illegible]

1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện														
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ, thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														

1. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

Hiệu trưởng: UBND Xã đánh giá : Tốt

Tổng số giáo viên và phó hiệu trưởng: 38 (trong đó Tốt: $33/38 = 86,8\%$; Khá $5/38 = 13,2\%$; TB: $0/38 = 0\%$).

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

- Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: $39/39 = 100\%$ trong đó BGH: 02, GV: 37.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất STT	Các hạng mục công trình	Số lượng			
		Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Nhờ mượn tạm
1	Khối phòng học tập				
1.1	Phòng học	48	32	16	

1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	1	0	
1.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1	1	0	
1.4	Phòng học bộ môn Khoa học - công nghệ	0	0	0	
1.5	Phòng học bộ môn Tin học	1	1	0	
1.6	Phòng học ngoại ngữ	1	1	0	
2	Khối phòng hỗ trợ học tập				
2.1	Thư viện	1	1	0	
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	1	1	0	
2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	
2.4	Phòng Đội Thiếu niên	1	1	0	
2.5	Phòng truyền thống	1	1	0	
3	Khối phụ trợ				
3.1	Phòng họp	1	1	0	
3.2	Phòng Y tế trường học	1	1	0	
3.3	Nhà kho	1	1	0	
3.4	Khu để xe học sinh	1	1	0	
3.5	Khu vệ sinh học sinh	4	2	2	
3.6	Phòng giáo viên	1	1	0	
3.7	Phòng nghỉ giáo viên	1	1	0	
3.8	Nhà công vụ cho giáo viên	0	0	0	
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao				
4.1	Sân trường	3	1	2	
4.2	Sân thể dục thể thao	3	1	2	
4.3	Nhà đa năng	1	1		
5	Tổng diện tích đất (m²)	12.458 (m ²)			
6	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4.172 (m ²)			
7	Diện tích các phòng	3.664 (m ²)			
7.1	Diện tích phòng học (m ²)	48(m ²)			
7.2	Diện tích phòng Thư viện (m ²)	48(m ²)			
7.3	Diện tích phòng Ngoại ngữ	48(m ²)			
7.4	Diện tích phòng Tin học	48(m ²)			
8	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: Bộ)				
8.1	Tổng số TBDH TT hiện có theo quy định	10			

8.1.1	Khối lớp 1	5			
8.1.2	Khối lớp 2	5			
8.1.3	Khối lớp 3				
8.1.4	Khối lớp 4				
8.1.5	Khối lớp 5				
8.2	Tổng số TBDH TT còn thiếu so theo quy định	15			
8.2.1	Khối lớp 1	0			
8.2.2	Khối lớp 2	0			
8.2.3	Khối lớp 3	5			
8.2.4	Khối lớp 4	5			
8.2.5	Khối lớp 5	5			
9	Tổng số máy tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: Bộ)	27			
10	Tổng số thiết bị dùng chung				
10.1	Ti vi	30			
10.2	Cát sét	0			
10.3	Máy chiếu	0			
10.4	Máy chiếu vật thể	0			
		Có	Không		
11	Nguồn nước sinh hoạt hợp VS	X			
12	Nguồn điện lưới	X			
13	Kết nối Internet	X			
14	Trang Thông tin điện tử(website) của trường	X			
15	Tường rào	X			

*** Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt:**

- Sách giáo khoa lớp 5

Stt	Môn/HĐGD	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Toán	Toán 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Duy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	NXB Giáo Dục Việt Nam
2	Tiếng Việt	Tiếng Việt 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	- Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên). Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên) Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng. - Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên). Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Phạm Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hảo Tâm	NXB Giáo Dục Việt Nam
3	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	NXB Giáo Dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí	Lịch sử và Địa lí 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên LS), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần LS) , Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần LS), Đào Thị Hồng, Lê	NXB Giáo Dục Việt Nam

			Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần ĐL) , Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần ĐL), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	
5	Khoa học	Khoa học 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen	NXB Giáo Dục Việt Nam
6	Đạo đức	Đạo đức 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	NXB Giáo Dục Việt Nam
7	Âm nhạc	Âm nhạc 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên). Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên). Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	NXB Giáo Dục Việt Nam
8	Mĩ thuật	Mĩ thuật 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	NXB Giáo Dục Việt Nam
9	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên) Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo Dục Việt Nam
10	Tin học	Tin học 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng.	NXB Giáo Dục Việt Nam

11	Công nghệ	Công nghệ 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	NXB Giáo Dục Việt Nam
12	Tiếng Anh (Globalsuccess)	Tiếng Anh 5 (Global success)	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên); Trần Hương Quỳnh (Chủ biên); Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Minh Tuấn.	NXB Giáo Dục Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 4

Môn/HĐG D	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
Tiếng Việt	Tiếng Việt 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan.	NXB Giáo Dục Việt Nam
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	
Toán	Toán 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	NXB Giáo Dục Việt Nam
Đạo đức	Đạo đức 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên) Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	NXB Giáo Dục Việt Nam

Lịch sử và Địa lí	Lịch sử và Địa lí 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phần Lịch sử: Vũ Minh Giang (TCB xuyên suốt), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng chủ biên) Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương. Phần Địa lý: Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên) Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương	NXB Giáo Dục Việt Nam
Khoa học	Khoa học (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tác giả: Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Phan Thanh Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	NXB Giáo Dục Việt Nam
Tin học	Tin học 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng.	NXB Giáo Dục Việt Nam
Công Nghệ	Công Nghệ 4 (Kết nối tri thức)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đông Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	NXB Giáo Dục Việt Nam
Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo Dục Việt Nam
Âm nhạc	Âm nhạc 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Thị Phương Mai.	NXB Giáo Dục Việt Nam

Mĩ Thuật	Mĩ Thuật 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	NXB Giáo Dục Việt Nam
Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	NXB Giáo Dục Việt Nam
Tiếng Anh	Tiếng Anh 4(Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (chủ biên), Nguyễn Minh Tuấn, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	NXB Giáo Dục Việt Nam

Sách giáo khoa lớp 3

STT	Môn/HĐGD	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 3(Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phụng	NXB Giáo Dục Việt Nam
			Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm	

2	Toán	Toán 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh	NXB Giáo Dục Việt Nam
3	Đạo đức	Đạo đức 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà	NXB Giáo Dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội	Tự nhiên và Xã hội 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	NXB Giáo Dục Việt Nam
5	Tin học	Tin học 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên); Phạm Ánh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt	NXB Giáo Dục Việt Nam
6	Công Nghệ	Công Nghệ 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh	NXB Giáo Dục Việt Nam
7	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo Dục Việt Nam

8	Âm nhạc	Âm nhạc 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	NXB Giáo Dục Việt Nam
9	Mĩ Thuật	Mĩ Thuật 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Xuân Nghi (Tổng chủ biên), Trần Thị Biền, Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang	NXB Giáo Dục Việt Nam
10	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	NXB Giáo Dục Việt Nam
11	Tiếng Anh	Tiếng Anh 3(Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn	NXB Giáo Dục Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 2

Stt	Môn/HĐGD	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	NXB Giáo Dục Việt Nam

2	Toán	Toán 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	NXB Giáo Dục Việt Nam
3	Đạo đức	Đạo đức 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	NXB Giáo Dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội	Tự nhiên và Xã hội 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tĩnh.	NXB Giáo Dục Việt Nam
5	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyển, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo Dục Việt Nam
6	Âm nhạc	Âm nhạc 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	NXB Giáo Dục Việt Nam
7	Mĩ Thuật	Mĩ Thuật 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (Tổng chủ biên), Trần Thị Biền (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang, Bùi Quang Tuấn	NXB Giáo Dục Việt Nam

8	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Luận, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu	NXB Giáo Dục Việt Nam
---	-----------------------	--	--	-----------------------

- Sách giáo khoa lớp 1

Stt	Môn/HĐGD	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt	Tiếng Việt 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Hạnh (Chủ biên), Nguyễn Thị Hương Giang; Nguyễn Lê Hằng; Đặng Thị Lanh; Trần Thị Hiền Lương; Trịnh Cam Ly.	NXB Giáo Dục Việt Nam
2	Toán	Toán 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Duy Khoái , Lê Anh Vinh (Đồng chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh.	NXB Giáo Dục Việt Nam
3	Đạo đức	Đạo đức 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên); Trần Thành Nam (Chủ biên); Lê Thị Tuyết Mai; Lục Thị Nga	NXB Giáo Dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội	Tự nhiên và Xã hội 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Trần Thị Thân (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tình	NXB Giáo Dục Việt Nam

5	Giáo dục Thể chất	Giáo dục Thể chất 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương	NXB Giáo Dục Việt Nam
6	Âm nhạc	Âm nhạc 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân	NXB Giáo Dục Việt Nam
7	Mĩ Thuật	Mĩ Thuật 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đình Gia Lê (Tổng chủ biên), Trần Thị Biền (Chủ biên), Phạm Duy Anh	NXB Giáo Dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm	Hoạt động trải nghiệm 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Sỹ Tung (Tổng chủ biên); Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên); Vũ Thị Lan Anh; Lê Thị Luận; Trần Thị Thu	NXB Giáo Dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục

- Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.
- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

Cụ thể:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, Tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	✓
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	✓
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	✓
Tiêu chí 1.8		X	X	✓
Tiêu chí 1.9		X	X	✓
Tiêu chí 1.10		X	X	✓
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X

Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	✓
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	✓
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 3

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, cuối năm học 2024-2025

STT	Nội dung		Chia theo khối lớp
-----	----------	--	--------------------

		Tổng số	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	633	140	124	129	119	121
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	633	140	124	129	119	121
III	Số học sinh khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả giáo dục	633	140	124	129	119	121
1	Tiếng việt	633	140	124	129	119	121
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	99,7%	95,1%	100%	100%	100%	100%
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0,3%	0,3%	0	0	0	0
2	Toán	633	140	124	129	119	121
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	99,5%	95,1%	100%	100%	100%	100%
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0,5%	0,3%	0,2%	0	0	0
3	Đạo đức	633	140	124	129	119	121
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	100%
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
4	Hoạt động trải nghiệm	633	140	124	129	119	121
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	100%
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
5	Tự nhiên và Xã hội	393	140	124	129	0	0
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	0	0
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
6	Tiếng nước ngoài (Tiếng Anh)	369	0	0	129	119	121
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	100%	0	0	100%	100%	100%

b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
7	Tiếng dân tộc	0	0	0	0	0	0
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
8	Tin học-Công nghệ (TH)	369	0	0	129	119	121
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	100%	0	0	100%	100%	100%
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
9	Tin học-Công nghệ (CN)	369	0	0	129	119	121
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	100%	0	0	100%	100%	100%
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
10	Nghệ thuật (Âm nhạc)	633	140	124	129	119	121
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	100%
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
11	Nghệ thuật (Mĩ thuật)	633	140	124	129	119	121
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	100%
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
12	Giáo dục thể chất (Thể dục)	633	140	124	129	119	121
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	100%	100%	100%	100%	100%	100%
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
13	Khoa học	240	0	0	0	119	121
a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	100%	0	0	0	100%	100%
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
14	Lịch sử - Địa lý	240	0	0	0	119	121

a	Hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	100%	0	0	0	100%	100%
b	Không hoàn thành (Tỉ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm	633	140	124	129	119	121
1	Đánh giá kết quả giáo dục	633	140	124	129	119	121
a	Xuất sắc	283	71	53	41	49	69
b	Tốt	36	3	4	17	5	3
c	Hoàn thành	311	64	66	71	65	45
d	Chưa hoàn thành	3	2	1	0	0	0
2	HS được khen thưởng cấp trường (Tỷ lệ so với tổng số)	633	140	124	129	119	121
		283	71	53	41	49	69
		44,7%	50,7%	42,7%	31,8%	41,2%	57%

2. Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Tổng số học sinh: 129/63 nữ (4 lớp)	Tổng số học sinh: 143/71 nữ (5 lớp)	Tổng số học sinh: 125/64 nữ (4 lớp)	Tổng số học sinh: 125/62 nữ (5 lớp)	Tổng số học sinh: 121/55 nữ (4 lớp)
		1. Tuổi của học sinh tiểu học từ 6 đến 14 tuổi (tính theo năm). 2. Tuổi vào lớp 1 là 6 tuổi (sinh năm 2019); trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi; - Có đơn xin vào lớp 1 (theo mẫu của nhà trường); - Bản sao giấy khai sinh hợp lệ; - Mã định danh cá nhân; - Giấy chứng nhận Hoàn thành chương trình giáo dục Mầm non; - Các loại giấy tờ ưu tiên khác poto công chứng (nếu có).				
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình giáo dục phổ thông 2018 thực hiện toàn trường. Sử dụng bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống cho tất cả các khối lớp. 1. Ngày tựu trường: Lớp 1 (ngày 22/08/2025); Lớp 2,3,4,5 (ngày 29/08/2025). 2. Ngày khai giảng: 05/09/2024, ngày thực học: 08/09/2025 Ngày kết thúc năm học 31/05/2026.				

III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình	- Thực hiện theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban Đại diện Cha mẹ học sinh - Họp Cha mẹ học sinh 03 kỳ/năm - Thông tin về thông tư 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ giáo dục đào tạo ban hành Quy định về đánh giá học sinh tiểu học 04/09/2020. (lớp 1,2,3,4,5) - Gia đình thường xuyên trao đổi với giáo viên chủ nhiệm hoặc qua điện thoại...
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dưới cờ theo từng chủ điểm - Sinh hoạt đội, sao nhi đồng. - Tổ chức các lễ phát động: tháng an toàn giao thông, theo chủ đề năm học.
V	Kết quả thực hiện các phong trào và chất lượng giáo dục của học sinh dự kiến đạt	- Năm học 2025-2026, toàn trường huy động được 100% số học sinh trong độ tuổi ra lớp, trường có 22 lớp với 643 học sinh từ lớp 1 đến lớp 5. - Cuối năm học, 100% học sinh được hình thành các phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. (Năng lực: Đạt trở lên đạt 99%; Phẩm chất: Đạt trở lên đạt 100%.) - 100% học sinh được hình thành và phát triển về các năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, các năng lực đặc thù: năng lực ngôn ngữ, năng lực tính toán, năng lực khoa học, năng lực công nghệ, năng lực tin học, năng lực thẩm mỹ, năng lực thể chất. (Học tập: HTXS: 35% trở lên; HTT: 25% trở lên; HT: 39%; CHT: 1%; Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học: đạt 99% trở lên; Hạ thấp tỉ lệ lưu ban còn: 1%; Tỷ lệ Hoàn thành chương trình tiểu học: Đạt 100%; Tỉ lệ bỏ học dưới 1%). - Có trên 50% giáo viên đạt giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp trường;
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Có kiến thức, kỹ năng cơ bản vững chắc. - Đủ năng lực để học ở lớp trên hoặc cấp học trên. - Tăng cường công tác thẩm định và bàn giao chất lượng giáo dục giữa lớp dưới với lớp trên cũng như giữa tiểu học lên THCS. - Tăng cường giáo dục các kỹ năng sống cho học sinh.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2025

Căn cứ Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Tân hội về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025 cho trường Tiểu học Tân Thành 1.

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí (theo năm tài chính 2025) chi tiết như sau:

* Nguồn ngân sách:

ĐV
T:
đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, tiền học phí	0
I	Dự toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-
1	Số thu phí, lệ phí	-
a	Học phí	
b	Thu từ cấp bù học phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-
a	Chi lương	-
b	Chi hoạt động	-
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	10.846.811.360
I	Nguồn ngân sách trong nước	10.846.811.360
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	10.846.811.360
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.991.228.023
3.11	Quỹ tiền lương	8.822.406.454
3.12	Chi hoạt động	1.168.821.569
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	855.583.337
3.2.1	Chi tiền thưởng NĐ 73/2024	475.015.320
3.2.2	Chi mua phần mềm công nghệ thông tin	6.270.000
3.2.3	Chi thực hiện công tác tập huấn cho CBQL, GV giảng dạy theo chương trình phổ thông mới	9.000.000
3.2.4	Chi tinh giản biên chế	365.298.017

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2025-2026

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND			
Học kỳ 2 năm học 2024-2025	6	3.600.000	Chưa cấp kp
Học kỳ 1 năm học 2025-2026	6	4.500.000	Chưa cấp kp
Đối tượng được hỗ trợ học bổng và phương tiện đồ dùng dạy học: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT- BGDDĐTBLĐTBXH			
Hỗ trợ học bổng	0	0	
Học kỳ 2 năm học 2024-2025	0	0	
Học kỳ 1 năm học 2025-2026	0	0	
Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập			
Học kỳ 2 năm học 2024-2025	0	0	
Học kỳ 1 năm học 2025-2026	0	0	

3. Công khai các khoản thu năm học 2025-2026 và dự kiến 2 năm tiếp theo

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
	Năm học 2025-2026			
1	Bảo hiểm y tế , BH toàn diện	đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
	Năm học 2026-2027			
1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
2	Bảo hiểm toàn diện	đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	
	Năm học 2027-2028			

1	Bảo hiểm y tế	đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền
2	Bảo hiểm toàn diện	đồng/học sinh/ năm học	Thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền

4. Công khai quyết toán thuế TNCN năm 2025

STT	Nội dung	ĐVT	Số người/Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số lao động tại đơn vị	Người	41	
II	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	Đồng	4.939.818.156	
III	Các khoản giảm trừ			
	Số lượng NPT tính giảm trừ	Người	39	
1	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Đồng	7.603.200.000	
2	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học		47.137.164	
3	Bảo hiểm được trừ		590.951.792	
V	Thu nhập tính thuế		0	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Day thử nghiệm chương trình Giáo dục Stem: 100% các lớp, các giáo viên xây dựng được bài giảng áp dụng phương pháp dạy Stem, cuối năm học tổ chức ngày hội Stem cấp trường và có sản phẩm tham dự ngày hội Stem cấp xã, cấp tỉnh.

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm 2025 (*Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*) của trường Tiểu học Tân Thành 1.

Nơi nhận:

- P.VHXXH (B/c);
- Website của trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tiến Cảnh